

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGÔ TẤT TỐ

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92677	20	PHẠM THANH THẢO MY	18/10/2004	Nữ	9A1	7.25	8	7.25	1.5	0	37	25.5
2	93025	5	TRẦN PHAN PHÚC UYÊN	19/04/2004	Nữ	9A1	7.5	9	6.75	1.75	0	37.5	26.75
3	93202	14	NGUYỄN HOÀNG KIM LÂN	10/04/2004	Nam	9A1	7.5	9.5	9	5.5	0	42.5	37
4	93355	20	HÀ MỸ XUÂN	09/11/2004	Nữ	9A1	7.25	5.5	5	1.5	1	31	20.75
5	93684	9	NGUYỄN TRỌNG TÙNG ANH	17/03/2004	Nam	9A1	8.25	8.75	8	0.25	0	41.25	25.5
6	93926	19	NGUYỄN HOÀNG PHÚC NGUYỄN	24/07/2004	Nam	9A1	8.25	9.5	9.75	2.25	0	45.5	32
7	94005	3	NGUYỄN THÙY TÂM	13/02/2004	Nữ	9A1	8.25	7.25	7.5	2.5	0	38.75	28
8	94174	11	ĐỖ THÁI BÌNH CA	25/02/2004	Nữ	9A1	7	5.5	7.25	3	0	34	25.75
9	94224	13	TRẦN THỤY HỒNG HÂN	03/03/2004	Nữ	9A1	7.25	5.75	6.5	4.75	1	34.25	29
10	94334	17	NGUYỄN THỊ LINH NHI	23/08/2004	Nữ	9A1	7	7.5	6.75	3.75	0	35	28.75
11	94478	23	PHAN ĐỖ TƯỜNG VÂN	04/10/2004	Nữ	9A1	7	4.5	5.25	6	0	29	28.75
Tổng cộng có tất cả: 11 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGÔ TẤT TỐ

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92237	2	TRẦN THIÊN ÂN	17/04/2004	Nam	9A10	6.25	10	5.75	3.75	0	34	29.5
2	92277	3	NGUYỄN TRÚC ANH	01/04/2004	Nữ	9A10	6.5	9	6.25	2.5	0	34.5	26.75
3	92442	10	LÊ NGỌC GIA HÂN	14/02/2004	Nữ	9A10	7.25	8	7.75	2	0	38	27
4	92589	16	NGUYỄN QUỐC ANH KIỆT	07/01/2004	Nam	9A10	6	8	9	1.75	0	38	26.5
5	93220	14	NGUYỄN HUY NAM	25/06/2004	Nam	9A10	7.75	6.75	8.25	8.25	0	38.75	39.25
6	93387	23	TRẦN TRÍ DŨNG	27/03/2004	Nam	9A10	6	6	8.5	0.75	0	35	22
7	93618	5	THÂN ĐỨC NGHĨA	27/04/2004	Nam	9A10	6.75	9.25	5.25	2.25	0	33.25	25.75
8	94489	24	NGUYỄN HOÀNG YÊN VY	01/01/2004	Nữ	9A10	7.75	8.5	7	4.75	0	38	32.75
Tổng cộng có tất cả: 8 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGÔ TẤT TỐ

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92215	1	LÊ NGUYỄN QUỐC AN	04/04/2004	Nam	9A11	8.25	8.75	8	2.25	0	41.25	29.5
2	92428	10	NGUYỄN NGỌC HÀ	31/05/2004	Nữ	9A11	7.5	8	7.25	2	0	37.5	26.75
3	92456	11	VÕ NGỌC LÊ HÂN	07/02/2004	Nữ	9A11	6.75	8.25	5.25	2.25	0	32.25	24.75
4	92615	17	NGUYỄN NGỌC KHÁNH LINH	12/01/2004	Nữ	9A11	8.25	8.75	5.5	1.75	0	36.25	26
5	92767	24	LÊ NGUYỄN Ý NHƯ	29/12/2004	Nữ	9A11	6.75	8.5	6.25	2	0	34.5	25.5
6	93520	28	TRẦN ĐOÀN MINH TÚ	30/01/2004	Nam	9A11	7.75	8	7.75	3	0	39	29.5
Tổng cộng có tất cả: 6 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGÔ TẤT TỐ

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92368	7	PHẠM HUỲNH NHẬT ĐĂNG	08/12/2004	Nam	9A5	6.5	9.25	6	4.5	0	34.25	30.75
2	92371	7	NGUYỄN MINH DANH	06/09/2004	Nam	9A5	6.75	8	6	2.75	0	33.5	26.25
3	92463	11	PHAN TRẦN MINH HẠNH	28/02/2004	Nữ	9A5	6.5	7.75	5.25	1.5	0	31.25	22.5
4	92519	13	HUỲNH THANH HUYỀN	27/11/2004	Nữ	9A5	6.75	6	6.5	1.75	0	32.5	22.75
5	92986	4	ĐỖ MINH TRIẾT	12/08/2004	Nam	9A5	7	8.5	9	3	0	40.5	30.5
6	93043	6	TẠ NGUYỄN THIỆN VƯƠNG	12/09/2004	Nam	9A5	7	8.5	5.75	1.75	0	34	24.75
7	93372	22	TÔN THẮT NGỌC BẢO	15/01/2004	Nam	9A5	7.25	5	9.75	4.5	0	39	31
8	93521	28	NGUYỄN THANH TUẤN	17/10/2004	Nam	9A5	8.5	5	7.75	5.75	0	37.5	32.75
9	93550	3	LÊ NGUYỄN MINH AN	22/11/2004	Nữ	9A5	6.75	9.5	8.5	3.5	0	40	31.75
10	93669	8	TRẦN HỒNG ÂN	03/08/2004	Nam	9A5	8	8	10	3.5	0	44	33
11	93798	13	LÂM NHẬT HUY	06/02/2004	Nam	9A5	8	7	8.5	0	1	41	23.5
12	94033	4	ĐỖ THỊ KIM THƯ	17/10/2004	Nữ	9A5	8	9.75	9.75	2.25	0	45.25	32
13	94082	6	HOÀNG NGỌC TUỆ	18/12/2004	Nam	9A5	6.25	7.75	9	2	0	38.25	27
14	94142	9	LÊ THỤC ANH	02/05/2004	Nữ	9A5	7	8.75	7.5	2.75	0	37.75	28.75
15	94327	17	DƯƠNG ĐẶNG PHƯƠNG NHI	12/08/2004	Nữ	9A5	7	5	5.25	3.75	0	29.5	24.75
16	94407	20	LƯU THỊ HOÀI THU	22/05/2004	Nữ	9A5	8	8	6.5	6.5	0	37	35.5
17	94476	23	ĐỖ NGỌC THUY VÂN	03/12/2004	Nữ	9A5	6.75	8	7.5	3	0	36.5	28.25
18	94491	24	NGUYỄN QUỲNH NHẬT VY	07/07/2004	Nữ	9A5	7.75	5.5	5.5	4.5	0	32	27.75
Tổng cộng có tất cả: 18 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGÔ TẤT TỐ

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92491	12	TRẦN HUY HOÀNG	15/09/2004	Nam	9A7	6.75	8.5	5.5	3.75	0	33	28.25
Tổng cộng có tất cả: 1 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGÔ TẤT TỐ

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	9123	25	ĐINH TRƯỜNG HOÀNG VŨ	05/06/2004	Nam	9A8	7	8.25	9.5	2.75	0	41.25	30.25
2	92361	7	TRẦN NGỌC MINH ĐAN	02/01/2004	Nữ	9A8	7	9.5	8.25	1.75	0	40	28.25
3	92365	7	LÊ MINH ĐĂNG	14/06/2004	Nam	9A8	5.25	7.5	6.75	1.25	0	31.5	22
4	92468	11	NGUYỄN VŨ NHƯ HẢO	04/08/2004	Nữ	9A8	8	10	9.5	6	0	45	39.5
5	92537	14	NGUYỄN VĂN KHANH	14/04/2004	Nữ	9A8	7.75	9.5	8.75	3.25	0	42.5	32.5
6	92908	1	TỪ XUÂN THỊNH	20/03/2004	Nam	9A8	7.5	7.5	6.5	1.5	0	35.5	24.5
7	92980	4	LÊ HOÀNG CÔNG TRÍ	12/07/2004	Nam	9A8	8.5	7	6.5	2.75	0	37	27.5
8	93083	9	NGUYỄN MINH AN	21/05/2004	Nam	9A8	6.25	9	9.5	6.5	0	40.5	37.75
9	94157	10	NGUYỄN THU HOÀNG ANH	21/06/2004	Nữ	9A8	8	7.25	8.5	6.25	0	40.25	36.25
10	94240	13	ĐÀO NGUYỄN MAI KHANH	27/08/2004	Nữ	9A8	8	9	9.25	5.5	0	43.5	37.25
Tổng cộng có tất cả: 10 học sinh.													

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 02/06/2019

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGÔ TẤT TỐ

Loại hình: Chuyên

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	Môn chuyên	UTKK	Tổng điểm thường	Tổng điểm chuyên
1	92350	6	NGUYỄN LÊ CHÍ	25/01/2004	Nam	9A9	6.5	9.5	5.25	6.75	0	33	34.75
2	92574	16	NGUYỄN NGỌC MINH KHÔI	26/05/2004	Nam	9A9	6.25	9.25	8	4	0	37.75	31.5
3	92917	1	LÊ NGỌC THƯ	19/11/2004	Nữ	9A9	7.25	7.5	6.5	2	0	35	25.25
4	93232	15	PHẠM VŨ BẢO NGỌC	12/10/2004	Nữ	9A9	7	7.25	3.5	1.25	0	28.25	20.25
5	93279	17	VÕ CAO NHẬT QUANG	20/08/2004	Nam	9A9	8.25	6.25	7.25	2.25	1.5	38.75	26.25
6	93813	14	LÊ VĨNH KHANG	07/12/2004	Nam	9A9	7.5	6.25	9.5	2.5	0	40.25	28.25
7	94131	9	BÙI NGUYỄN TRÚC ANH	01/09/2004	Nữ	9A9	8.25	9.25	7.5	7	0	40.75	39
8	94233	13	TRƯỜNG GIÁNG HƯƠNG	24/12/2004	Nữ	9A9	7.75	7.25	7.25	4.75	0	37.25	31.75
9	94309	16	VŨ NGỌC PHƯƠNG NGHI	10/06/2004	Nữ	9A9	7.5	7	7	5.25	0	36	32
10	94413	21	HUỶNH LÊ ANH THƯ	11/03/2004	Nữ	9A9	7	7.75	7.5	4.75	0	36.75	31.75
Tổng cộng có tất cả: 10 học sinh.													